

Số: 08 /NQ-HĐND

Lưu Kiếm, ngày 30 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn;
thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương
năm 2025 phường Lưu Kiếm sau sắp xếp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG LƯU KIỂM
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 02**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25/07/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25/07/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Thông báo số 24-TB/ĐU ngày 29/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường về việc tổ chức kỳ họp thứ 2 (kỳ họp Thường kỳ) Hội đồng nhân dân phường khóa I (nhiệm kỳ 2021-2026);

Xét đề nghị tại Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 25/07/2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra số 02/BC-KTNS của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp, như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 263.393 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu NQ-01 kèm theo)

a. Thu cân đối ngân sách: 13.760 triệu đồng.



- Thuế ngoài quốc doanh: 2.160 triệu đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân: 1.080 triệu đồng.
- Lệ phí trước bạ: 1.310 triệu đồng.
- Phí và lệ phí: 420 triệu đồng.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 1.010 triệu đồng.
- Tiền cho thuê đất, mặt nước: 5.380 triệu đồng.
- Thu từ quỹ đất công, hoa lợi công sản: 1.621 triệu đồng.
- Thu khác ngân sách: 779 triệu đồng.

b. Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 249.633 triệu đồng.

2. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 289 triệu đồng.

3. Tổng thu ngân sách địa phương: 256.238 triệu đồng, trong đó:

- Thu cân đối ngân sách (các khoản thu được điều tiết): 6.605 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 249.633 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu NQ-02 kèm theo)

Điều 2. Quyết định dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp như sau

Tổng chi ngân sách phường: 256.238 triệu đồng (Sau khi trừ tiết kiệm chi thường xuyên). Trong đó:

- Chi thường xuyên: 251.214 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 5.024 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu NQ-03 và NQ-04 kèm theo)

Điều 3 Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường:

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Giao dự toán cho các tổ chức, cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp để quản lý thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản theo quy định của pháp luật; tổ chức quản lý khai thác tốt các nguồn thu phần đầu thu hoàn thành các sắc thuế theo dự toán UBND thành phố giao.

- Chỉ đạo điều hành ngân sách chủ động, tích cực. Trường hợp thu cân đối ngân sách địa phương giảm so với dự toán, cần rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên, cắt giảm hoặc giãn thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, trong đó phải đảm bảo các khoản chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị,



chế độ an sinh xã hội.

- Thực hiện luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi ngân sách, đảm bảo công khai các khoản chi, chi đúng nguồn, đúng nhiệm vụ.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường, đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân phường khoá I, kỳ họp thứ 02 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2025) thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. / *lưu*

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

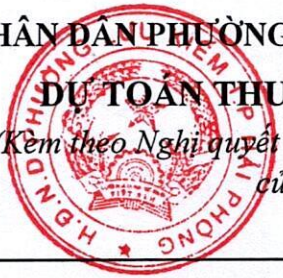
- TT HĐND, UBND TP;
- Sở Tài chính;
- TT ĐU, HĐND, UBND phường;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH ở phường;
- Các tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc UBND phường;
- Các đại biểu HĐND phường;
- Lưu: VT; *ql*



Nguyễn Văn Tuấn



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số 08 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025
 của HĐND phường Lưu Kiếm)



Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
A	B	1	2	3
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	263,393	256,238	
I	Thu nội địa	13,760	6,605	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	2,160	1,465.00	
5	Thuế thu nhập cá nhân	1,080		
6	Thuế bảo vệ môi trường			
7	Lệ phí trước bạ	1,310	1,310	
8	Thu phí, lệ phí	420	420	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1,010	1,010	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	5,380		
12	Thu tiền sử dụng đất			
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)			
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
16	Thu khác ngân sách	779	779	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1,621	1,621	
II	Thu viện trợ			
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	249,633	249,633	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	249,633	249,633	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên		-	
B.	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT	289		

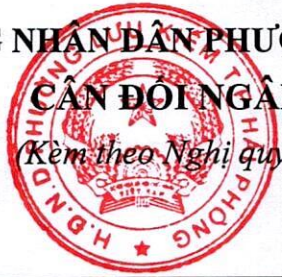
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND phường Lưu Kiếm)



Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
A	B	1.1	C
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	256.238	
A	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách xã		
B	Chi ngân sách cấp xã theo lĩnh vực	256.238	
	<i>Trong đó:</i>		
I	Chi đầu tư phát triển	-	
1	Chi đầu tư cho các dự án		
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		
1.2	Chi khoa học và công nghệ		
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình		
1.4	Chi văn hóa thông tin		
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		
1.6	Chi thể dục thể thao		
1.7	Chi bảo vệ môi trường		
1.8	Chi các hoạt động kinh tế		
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		
1.10	Chi bảo đảm xã hội		
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	251.214	
	Tổng chi thường xuyên trước trừ tiết kiệm	257.613	
	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên tính cân đối	6.399	
	<i>Trong đó:</i>		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	154.141	
2	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	6.342	
2	Chi khoa học và công nghệ		
3	Chi y tế, dân số và gia đình	7.916	
4	Chi văn hóa thông tin	3.618	
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	99	
6	Chi thể dục thể thao	99	
7	Chi bảo vệ môi trường	1.318	
8	Chi các hoạt động kinh tế	11.745	
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	41.302	
10	Chi bảo đảm xã hội	30.128	
11	Chi khác	905	
III	Dự phòng ngân sách	5.024	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
C	Chi viện trợ		
D	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu		



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG LƯU KIỂM NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **08** /NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND phường Lưu Kiếm)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	256.238	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	6.605	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	5.140	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	1.465	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	249.633	
-	Thu bổ sung cân đối	249.633	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-	
III	Thu kết dư		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (sau khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)	256.238	
	<i>Tổng chi ngân sách xã</i> (trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)	<i>262.637</i>	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã (sau khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)	256.238	
	<i>Tổng chi cân đối ngân sách xã (trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)</i>	<i>262.637</i>	
1	Chi đầu tư phát triển	-	
2	Chi thường xuyên (sau khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)	251.214	
	<i>Chi thường xuyên (trước khi trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên)</i>	<i>257.613</i>	
3	Dự phòng ngân sách	5.024	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi viện trợ		
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu		
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của HĐND phường Lưu Kiếm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG CHI NS SAU TRỪ TK 10% CHI TX	TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN TRƯỚC TRỪ TIẾT KIỂM	CHI THƯỜNG XUYÊN																TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN SAU TRỪ TIẾT KIỂM	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	
				TRONG ĐÓ:												TIẾT KIỂM 10% CHI TX	E					
				Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa, thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục, thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Trong đó					Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, HĐND	Chi đảm bảo xã hội			Chi thường xuyên khác
2	3	4	5	6	7	8	9	10	Chi giao thông	Chi NN, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Kinh tế khác	10.1	10.2	10.3	11	12	13	F=D-E	G			
	TỔNG SỐ	256.238	257.613	154.141	6.342	-	7.916	3.618	99	99	1.318	11.745	6.451	2.661	2.633	41.302	30.128	905	6.399	251.214	5.024	
I	Chi đầu tư	-	-																			
II	Chi thường xuyên	251.214	257.613	154.141	6.342	-	7.916	3.618	99	99	1.318	11.745	6.451	2.661	2.633	41.302	30.128	905	6.399	251.214		
1	Văn phòng Đảng ủy	2.392	2.426													2.426			34	2.392		
2	Mặt trận Tổ quốc	1.079	1.095													1.095			16	1.079		
3	Văn phòng HĐND và UBND	33.175	34.677		5.742											28.585		350	1.502	33.175		
4	Phòng Văn hóa	37.711	38.784	8.348			99	3.608	89	89						1.423	25.128		1.073	37.711		
5	Phòng Kinh tế	8.199	9.180								518	7.012	4.451	2.561		1.650			981	8.199		
6	Trung tâm hành chính công	605	623													623			18	605		
7	Khối trường học	129.582	131.194	131.194															1.612	129.582		
7.1	Mầm non Lưu Kiếm	11.627	11.771	11.771															145	11.627		
7.2	Mầm non Lưu Kỳ	4.642	4.703	4.703															61	4.642		
7.3	Mầm non Kênh Giang	9.598	9.719	9.719															121	9.598		
7.4	Mầm non Liên Khê	11.577	11.721	11.721															144	11.577		
7.5	Mầm non Đông Sơn	7.657	7.754	7.754															97	7.657		
7.6	Tiểu học Đông Sơn	7.960	8.058	8.058															98	7.960		
7.7	Tiểu học Lưu Kiếm	14.962	15.151	15.151															189	14.962		
7.8	Tiểu học Liên Khê	11.095	11.225	11.225															130	11.095		
7.9	Tiểu học Kênh Giang	11.376	11.518	11.518															143	11.376		
7.10	THCS Trần Hưng Đạo	16.373	16.589	16.589															216	16.373		
7.11	THCS Liên Khê	9.509	9.612	9.612															104	9.509		
7.12	THCS Lưu Kiếm	13.208	13.371	13.371															164	13.208		



8	Kinh phí chưa phân bổ	38.471	39.634	14.599	600		7.817	10	10	10	800	4.733	2.000	100	2.633	5.500	5.000	555	1.163	38.471		
III	Chi dự phòng ngân sách	5.024																				5.024

